

Triết học tính không dưới phương diện phủ định và kiến thiết trong tư tưởng Văn học Bát nhã

ISSN: 2734-9195 09:05 11/03/2025

Phủ định hay giả thuyết trong kinh Bát-nhã có mục đích là một lối nói mang tính ngăn chặn cốt làm cho chúng ta hiểu được hiện tượng duyên khởi đồng thời cũng hiển thị đúng tính chất của hiện tượng duyên khởi.

Tác giả: **Huệ Đức**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 3/2025

Đạo Phật ra đời là để giúp con người giải thoát khỏi mọi khổ đau, đạt được niềm hạnh phúc thật sự của cuộc sống. Thế nhưng theo dòng thời gian kể từ khi đạo Phật xuất hiện, đến thời kỳ Phật giáo bộ phái, mỗi bộ phái lại có những tư tưởng riêng về các pháp. Như Hữu Bộ chủ trương “ngã không pháp hữu”, Kinh Lượng Bộ thì chủ trương “ngã không pháp không”, và còn nhiều bộ phái có những học thuyết khác nhau khác nữa. Từ đó Bát-nhã ra đời để phá trừ những quan niệm sai lầm về thường- đoạn, hữu-vô của các pháp, bằng cách phủ định tất cả, sau đó từ sự phủ định đó mà kiến thiết nên những sự hiện hữu có giá trị đích thực cho cuộc đời và đạo pháp.



Hình ảnh được tạo bởi AI

Khái quát về Văn học Bát-nhã

Có nhiều ý kiến khác nhau về sự xuất hiện hệ Văn học Bát-nhã, theo sự phán giáo của Ngài Thiên Thai Trí Giả (538 - 597), đức Phật bắt đầu giảng dạy văn hệ Bát-nhã cho chúng đệ tử từ năm thứ hai mươi kể từ khi Ngài thành đạo. Điều này được minh chứng qua bài kệ sau:

Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật

A hàm thập nhị, Phương đẳng bát

Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm

Pháp hoa, Niết Bàn cộng bát niên.

Tuy nhiên, đây chỉ là sự phán giáo có ý nghĩa hết sức tương đối. Vì nếu chúng ta đọc kỹ các kinh thuộc văn hệ A-hàm hay Nikāya, sẽ thấy nội dung trong các kinh này, đức Phật đã trình bày giáo lý Duyên Khởi, Không, Vô thường, Vô ngã và Niết Bàn một cách tóm tắt và cô đọng. Những giáo lý này được đức Phật trình bày một cách sâu rộng và có hệ thống ở trong Văn hệ Bát-nhã.

Suốt bốn mươi chín năm du hóa, tùy theo căn cơ và khả năng tu chứng của hàng đệ tử nghe pháp mà đức Phật thuyết giáo với giáo lý hoặc sâu, hoặc cạn, hoặc rộng, hoặc hẹp, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc cô đọng, hoặc khai triển, hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc không thể nghĩ bàn, chứ không phải đi theo một tuần tự rạch ròi, mang tính khoa bản như sự phán giáo của Ngài Thiên Thai Trí Giả.

Theo quan điểm Ngài Thế Thân (Vasubandhu) trong Kim Cang Tiên Luận cho rằng Bát-nhã được đức Phật giảng dạy đầu tiên tại thành Vương Xá, bắt đầu từ năm thứ năm, kể từ khi đức Thế Tôn thành đạo và kinh Kim Cang Bát Nhã đã được đức Phật giảng dạy sau cùng trong văn hệ Bát-nhã, và cũng theo Ngài Thế Thân các kinh thuộc văn hệ Bát-nhã trước Kim Cang, đức Phật dạy cách loại trừ “tướng”, nhưng chưa triệt để, đến thời sau cùng là nhằm tới dùng Bát-nhã để chặt đứt mọi sự mắc kẹt của tâm vào các tướng một cách triệt để, do đó mà gọi văn hệ Bát-nhã sau cùng là Kim Cang.

Gần đây, các học giả khi nghiên cứu về văn học Bát-nhã đều có chung ý kiến rằng từ bộ kinh đầu tiên là Bát thiên tụng Bát-nhã, những tư tưởng căn bản được triển khai rộng ra thành những bộ kinh dài (như Bách thiên tụng), sau đó lại được rút gọn thành những bộ kinh tóm lược (như Bát-nhã Tâm kinh).

Bát-nhã có nhiều đặc tính trong đó đặc tính nổi bật nhất là tính Không, và một trong những thí dụ hùng danh được các nhà triết học Bát-nhã sử dụng khi họ muốn gây cho chúng ta một ấn tượng về học thuyết tính Không, đó là như huyễn (māyā).

Khái niệm về tính Không trong Bát-nhã

Tính Không, tiếng Phạn là Śūnyatā (Suññatā), là một khái niệm cơ bản được hệ thống kinh tạng Bát-nhã dùng để chỉ tính chất trống rỗng, không có thực thể của mọi hiện hữu. Khái niệm này còn được coi là một trong những đóng góp quan trọng của Phật giáo Đại thừa khi bàn về tính chất duyên sinh, giả hợp của thế giới hiện tượng.

Śūnyatā là một danh từ được biến thể từ tính từ Śūnya bằng cách thêm vĩ ngữ “tā”. Śūnya (空) theo Từ điển A Sanskrit-English Dictionary của Monier Williams vốn có nghĩa là “trống rỗng” (empty), “rỗng” (void) hoặc là “không” (zero) và “không có gì” (nothing). Phật Quang Đại từ điển giải thích Śūnya là sự như huyễn, không thật của sự vật, hoặc sự rỗng lặng, trong sáng của lý thể, do đó, Śūnyatā có nghĩa là tự tính không, chân lý không, là tên gọi khác của Chân như. Cả hai từ “Śūnya” và “Śūnyatā” vốn được phát sinh từ ngữ căn “śvi” trong tiếng Phạn, có nghĩa “trống rỗng” (hollow) là làm cho phồng lên, trương lên. Theo đó, bất kỳ sự vật, hiện tượng nào nếu được một tác nhân nào đó làm cho phồng lên ở hình thức bên ngoài, thì bên trong của chúng lại thường trống rỗng.

Với ý nghĩa này, Śūnyatā luôn bao hàm trong nó hai nghĩa: “phồng lên” (bên ngoài) và “trống rỗng” (bên trong); tức vừa thừa nhận có sự hiện hữu, sự “phồng lên” (ở bên ngoài) của một thực thể, vừa chỉ ra tính chất trống rỗng (ở

bên trong) của thực thể ấy. Do đó, tính Không không phải là khái niệm chỉ tình trạng rỗng, không có gì, mà là không có tự ngã hay thực thể cố định. Như vậy, tính Không “Śūnyatā” chính là sự phản ánh đồng thời cả hai mặt đối lập của một hiện hữu.

Hai phương diện của tính Không trong Bát-nhã

1. Phủ định

Khác với các hệ thống luận lý thông thường đặt cơ bản trên những dữ kiện coi như thực hữu và cố định, hệ thống luận lý của Bát-nhã là một loại luận lý siêu luận lý nhằm thuyết minh những hiện tượng giả hữu và chuyển biến trong từng sát-na, là các pháp duyên sinh như huyễn. Phương pháp luận lý này chuyên môn dùng phủ định để khẳng định. Phủ định hay giả thuyết trong kinh Bát-nhã có mục đích là một lối nói mang tính ngăn chặn cốt làm cho chúng ta hiểu được hiện tượng duyên khởi đồng thời cũng hiển thị đúng tính chất của hiện tượng duyên khởi. Nói một cách dễ hiểu, phủ định chính là sự đập bỏ, sự phá hoại các sự chấp thủ, chấp trước, dính mắc vào các pháp.



Hình ảnh được tạo bởi AI

1. a) Phủ định các pháp hữu vi

Pháp hữu vi còn gọi là pháp điều kiện gồm tất cả những gì chúng ta thấy và biết được qua sáu giác quan, qua sự tiếp xúc của cơ thể, cảm thọ, tư tưởng, và trí nhớ. Chúng là những điều kiện hay duyên, chúng bắt đầu rồi chấm dứt, sinh rồi diệt, cho dù đó là vật chất hay tâm. Trong tiếng Pali, từ sankhara hay hành tức là các pháp do các điều kiện hay duyên hợp lại và tạo thành. Các pháp hữu vi bao gồm dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Nó cũng là bất kỳ pháp nào mà bao hàm trong thế giới hữu vi, chẳng hạn như 37 pháp trợ đạo, vv.

Con người là một tập hợp của năm uẩn và tứ đại tạo thành, chúng là những pháp hữu vi do duyên sinh ra. Vì do duyên sinh nên năm uẩn là vô thường, vô ngã, *“Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, được gọi là sắc uẩn? Do nhân gì, do duyên gì, được gọi là thọ uẩn? tưởng uẩn? hành uẩn? thức uẩn? Do nhân bốn đại, này các Tỷ-kheo, do duyên bốn đại, được gọi là sắc uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được gọi là thọ uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được gọi là tưởng uẩn. Do nhân xúc, do duyên xúc, được gọi là hành uẩn. Do nhân danh sắc, do duyên danh sắc, được gọi là thức uẩn”*(1) Rõ ràng năm uẩn được tạo thành từ nhiều nhân và duyên khác nhau. Thí như ngôi nhà do cát, đá, xi măng, nhân công, vv, hợp thành. Gạch ngói đó lại do công thợ, đá, đất, núi non, vv tạo ra, suy mãi ta sẽ thấy nó là trùng trùng duyên khởi. Nên năm uẩn vốn không thường hằng mà chịu sự thay đổi, biến hoại như lời dạy của đức Phật: *“Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là sắc? Bị thay đổi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc. Bị thay đổi bởi cái gì? Bị thay đổi bởi lạnh; bị thay đổi bởi nóng; bị thay đổi bởi đói; bị thay đổi bởi khát; bị thay đổi bởi sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng và rắn. Bị thay đổi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc”*.(2) Sắc là yếu tố vật chất trong năm uẩn, khi sắc bị thay đổi thì các uẩn kia cũng thay đổi theo sắc, không uẩn nào có thể tồn tại một cách độc lập như những cây lau nương vào nhau. Như thế ngũ uẩn cấu tạo nên con người và vũ trụ, cũng chính là pháp hữu vi không thường hằng, biến hoại và sinh diệt theo duyên. Không nhận ra điều này, con người mãi cho ngũ uẩn là thường hằng, thật có và khổ đau bắt đầu từ đây. Bản chất các uẩn đã không tự có, do duyên hòa hợp nên không cố định. Sắc uẩn không cố định nên Bát Nhã nói ‘Sắc tức là không’. Khi đủ duyên hợp thành sắc nên nói ‘Không tức là sắc’. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Năm uẩn vốn không thì 12 xứ, 18 giới và tất cả các pháp hữu vi khác như chiếc xe, máy tính, ngôi nhà, vv, cũng đều không vì chúng do duyên sinh nên chúng đều vô thường, vô ngã, và không có thực thể cố định.

1. b) Phủ định các pháp vô vi

Pháp vô vi còn gọi là pháp không điều kiện là những pháp mà phần lớn chúng sinh đều không nhận thức được. Lý do chính là vì chúng ta vẫn mãi mê mờ

trong các pháp điều kiện hay pháp hữu vi. Muốn nhận thức hay chứng ngộ được pháp không điều kiện chúng ta phải dứt khoát và triệt để buông bỏ các pháp điều kiện. Pháp vô vi là những quả vị như Niết-bàn, A-la-hán, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật

Các pháp hữu vi đều không nên các pháp vô vi cũng sẽ như vậy. Cái ngã trong con người chỉ là một ảo tưởng. Để đối trị cái ngã giả hữu ấy, giáo pháp Phật dạy cũng chỉ là phương tiện giả lập mà thôi. Cho nên, nói không 12 nhân duyên và cũng không có sự chấm dứt của 12 nhân duyên. Cũng như không bốn đế. Giáo pháp giả lập là nhằm đối trị cái ngã giả hữu. Dụng giả trừ giả. Như vậy thì cái trí mà giáo pháp nhằm thắp sáng lên ở nơi cái ngã ấy cũng không. Mà trí đã không thì sự chứng đắc cũng không thành, không có thành đạo, không có chứng quả. Đứng về mặt tâm lý, ai thật sự có đắc một cái gì thì không bao giờ nghĩ rằng mình đắc. Chỉ tư tưởng ôm ấp theo đuổi là khi mình chưa có. Khi đã có rồi, thì lòng bình thản dừng dừng. Hóa ra, không đắc mới thật sự có đắc. Hơn nữa đứng về mặt lý trí mà xét, cái đắc ấy không khác chi hơn là cái mình sẵn có, nhưng vì vô minh che lấp, nay nhờ giác ngộ mà bắt gặp trở lại mà thôi, giống như viên ngọc trong chéo áo.

Tâm kinh Bát-nhã cũng nói rằng nếu thế giới hiện tượng không thật tồn tại thì chư Phật và chư Bồ tát cũng không thật sự tồn tại, và các pháp để chứng đạt các quả vị cũng không thật sự tồn tại.

Bát nhã không chỉ phủ định tư tưởng của bộ phái mà kể cả tư tưởng Bát-nhã, Bát-nhã cũng phủ định bằng chứng là câu kinh trong Bát thiên tụng Bát-nhã Ngài Tu Bồ Đề đã nói: *“Bạch Thế Tôn, Bồ tát được gọi là ‘Bồ tát’, vậy ‘Bồ tát’ này là tên gọi của pháp nào? Bạch Thế Tôn, con chẳng thấy pháp nào có tên ‘Bồ tát’, và cũng chẳng thấy pháp nào mang tên ‘Bát-nhã-ba-la-mật-đa’ cả. Thế Tôn! Vì không tìm ra, không nhận thức và cũng không thấy được một Bồ tát hoặc pháp nào tên ‘Bồ tát’, và cũng không tìm ra, không nhận thức và cũng không thấy được một Bát-nhã-ba-la-mật-đa hoặc pháp nào tên ‘Bát-nhã-ba-la-mật-đa’ thế thì con nên giảng giải cho Bồ tát nào thể nhập Bát-nhã-ba-la-mật-đa nào đây?”*(3)

2. Kiến thiết

Như trên đã trình bày về sự phủ định các pháp để hiển bày thật tướng của các pháp là không thì ở phần này nói về sự kiến thiết theo tinh thần Bát-nhã. Kiến thiết là xây dựng con người lý tưởng, sống có ích cho đạo và đời. Mặc dù các pháp vốn vô thường, vô ngã, là không nhưng không phải vì vậy mà chúng ta phủ định đi tất cả các khía cạnh vi diệu thù thắng của các pháp. Các pháp xưa nay vốn như vậy, vận hành theo quy luật thành-trụ-hoại-không và Ngũ uẩn

cũng không đi ra ngoài quy luật đó. Pháp thế gian không sinh không diệt, gọi là Pháp thân thường

trú, nên Ngũ uẩn vô lậu cũng được gọi là Ngũ uẩn pháp thân. Tuệ tri được điều này, thì thân ngũ uẩn sẽ trở thành một phương tiện thiện xảo cho sự nghiệp tu tập hướng đến giải thoát giác ngộ. Đây cũng là ý nghĩa chân thật lời dạy của đức Phật: *“Này Hiền giả, trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những tướng, những tư duy của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt”*(4). Đức Phật cũng là một con người được cấu thành bởi năm uẩn như tất cả chúng sinh, nhưng với sự liễu tri về thực tại của chính bản thân mình nên Ngài đã từ bỏ lối sống hưởng thụ thỏa mãn mọi nhu cầu cho thân ngũ uẩn cũng như từ bỏ sự tu tập khổ hạnh hạ thân ngũ uẩn, cuối cùng Ngài đã trở thành một bậc giác ngộ từ chính cái thân ngũ uẩn ấy. Như vậy, hiểu rõ sự vô thường vô ngã của các pháp, của thân ngũ uẩn không phải để nhàm chán cái thân này cũng như nhàm chán cuộc đời rồi tìm cách giải thoát với những thái độ tiêu cực.

Theo tinh thần Bát-nhã, đạo và đời không tách rời nhau, đạo mà không có đời thì đạo sẽ không có giá trị, đời mà thiếu đạo thì đời không thể hướng thượng. Cho nên Bát-nhã xây dựng con người sống trong thế gian mà không nhiễm trần. Đó là lối sống của chư vị Bồ tát với hạnh nguyện độ tha, đem chính pháp vào đời để xóa tan những nỗi khổ niềm đau của nhân thế. Lối sống đó chính là căn bản của đạo đức được xây dựng trong tư tưởng Bát-nhã. Trái với tinh thần của Nguyên thủy chỉ đề cao sự xuất gia giải thoát cho bản thân, *“Chư lậu dĩ tận, phàm hạnh dĩ lập, sở tác giai biện, bất thọ hậu hữu”*(5), thì đạo đức của Đại thừa hay lý tưởng của Bồ tát là “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh”, lấy hoàn cảnh xã hội làm hoàn cảnh của mình, lấy đời sống xã hội làm đời sống của mình, lấy nhu cầu xã hội là nhu cầu của mình nhằm phát huy cái đặc trưng quan hệ giữa giải thoát và đạo đức.

Triết gia Aristotle nhận định rằng: Cuộc đời đạo đức chính là hạnh phúc tối thượng, là sự tự do tối thượng. Hạnh phúc không phải là phần thưởng của đạo đức. Hạnh phúc và đạo đức chỉ là một. (Ibid, tr.246).(6) Trong Trung Bộ kinh, đức Phật từng tuyên bố: *“Này các Tỳ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ”*. Và Ngài thường khuyên các đệ tử xuất gia: *“Này các Tỳ-kheo, hãy du hành, vì hạnh phúc cho quần sinh, vì an lạc cho quần sinh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người”*.(7) Những lời tuyên bố trên của đức Phật nêu rõ hoài bão tha thiết của Ngài là cứu khổ độ sinh, diệt khổ ưu, đem lại hỷ lạc cho tất cả loài hữu tình. Có thể nói, giáo lý của đức Phật là giáo lý diệt khổ, là con đường đưa đến hạnh phúc. Đây là nét đặc trưng của giá trị đạo đức Phật giáo. Như thế, những lời dạy

từ chính kim khẩu của đức Phật khi Ngài còn tại thế với mục đích là cứu khổ ban vui. Có thể nói tinh thần nhập thế của Bát-nhã cũng không ngoài mục đích này. Tuy nhiên, để thực hiện tốt điều này thì hành giả phải đầy đủ Đại trí và Đại bi. Đại trí chỉ cho khả năng siêu việt soi thấu bản tính của vạn hữu. Đại bi là từ trí tuệ siêu việt ấy mà hành đạo. Nghĩa là hành giả đi theo con đường lý tưởng của Bồ tát là những người đã thấu rõ bản tính chân thật của vạn pháp nên không còn vướng mắc chấp thủ khi hành hạnh lợi tha. Như trong kinh Kim Cang có nói: “Độ vô lượng chúng sinh nhưng không thấy chúng sinh nào được độ”, đây là tinh thần vô trụ, vô chấp không còn thấy các tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Lý tưởng tối thượng hơn hết là Lục độ ba-la-mật, Bồ-tát bố thí ba-la-mật nhưng không chấp thủ bố thí ba-la-mật, không chấp người thí, vật thí và người nhận, bởi tất cả vốn không.

Có thể nói con người lý tưởng theo Bát-nhã khác với lý tưởng Thanh văn và Duyên giác chỉ hài lòng với giác ngộ và giải thoát của riêng họ, thu mình trong tư duy không dao động, không

đi ra khỏi khung cửa kín của mình, cho nên không thể thực hiện công trình cởi mở nghiệp, vô minh và thống khổ cho đồng loại. Lý tưởng của Bồ-tát không phải là một tâm hồn tiêu cực, lẩn tránh, lúc nào cũng mong trốn khỏi thế gian tìm sự toàn thiện và giác ngộ cho riêng mình, mà là một người cứu tế thế gian hết sức hăng hái, tích cực dẫn thân hành động với tâm bình đẳng, không khởi tâm phân biệt đối với hết thảy chúng sinh, giữ vững tâm từ, tâm lợi ích, tâm không chướng ngại bởi Bồ-tát cũng coi hết thảy chúng sinh như là cha, như là mẹ, như là con cái.

Giá trị của hai phương diện Phủ định và Kiến thiết trong đời sống



Hình ảnh được tạo bởi AI

Xưa nay con người mãi bị trôi lăn trong vòng luân hồi đau khổ chính vì sự chấp thủ về ngã và pháp. Cho nên, đức Phật luôn nhấn mạnh sự chấm dứt khổ đau chỉ có thể xảy ra khi chúng ta như thật liễu tri về bản chất của các pháp. Nhờ hiểu rõ bản chất của các pháp nên chúng ta sẽ không còn tham đắm, chấp thủ. Chúng ta có thể hòa mình với mọi người và thế giới, mọi hành động vì dục vọng ích kỷ cá nhân sẽ được thay thế bằng lòng bao dung thiện cảm tử tế. Đối với cuộc sống của một xã hội phát triển như hiện nay thật sự rất cần tinh thần vô ngã vị tha mới có thể giữ gìn được sự hòa bình vững chắc cho nhân loại. Tinh thần vô ngã vị tha chỉ có thể thực hiện dựa trên hai phương diện phủ định và kiến thiết. Cả hai phương diện này đều quy tâm trên một mối: tương quan hiện hữu hay lý duyên khởi. Hiện hữu do tương quan, do đó hiện hữu không thực tính. Đây là tác dụng phủ định. Và do không thực tính, nên hiện hữu mới có thể có tương quan để hiện khởi. Đây là tác dụng kiến thiết.

Thật vậy, sự hiện hữu của các pháp chỉ là sự hiện hữu không có tự tính cố định mà chỉ do duyên khởi sinh diệt. Thân ngũ uẩn của con người cũng hiện hữu như vậy, nhưng với sự tuệ tri chúng ta nương vào sự hiện hữu giả có của ngũ uẩn để làm lợi ích cho đạo và đời. Đức Phật đã đem đến cho nhân loại những tinh hoa chính pháp bằng chính sự trải nghiệm từ thân năm uẩn của Ngài. Sự xuất hiện

của Ngài đã đem lại hạnh phúc cho toàn thể nhân loại: *“Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện ấy đem lại hạnh phúc cho số đông, an lạc cho số đông, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác”*(8). Những gì đức Phật đã làm được thì chúng ta cũng có thể làm theo. Chúng ta cũng có thể dùng thân năm uẩn của mình để xây dựng những hoa thơm trái ngọt cho cuộc đời mình, cho người, và cho xã hội. Con đường chân chính đưa đến hạnh phúc vốn ở ngay trong mỗi chúng ta, trong cái nhìn của chúng ta về con người và thế giới.

Không những thân ngũ uẩn hiện hữu do duyên sinh mà tất cả các pháp đều hiện hữu do duyên sinh đều là không tính, dù đó là pháp xuất thế gian. Hiểu được điều này chúng ta sẽ không còn chấp giữ các phương pháp mình đang tu tập hay các quả vị mình chứng ngộ. Vì giáo pháp chỉ là phương tiện để hành đạo cho nên đức Phật dạy rằng *“chính pháp còn phải bỏ huống gì phi pháp”*. Quả vị tu chứng cũng thế, quả vị ấy vốn có sẵn trong mỗi người nên không cần mong cầu tìm kiếm mà chỉ cần nhận thức rõ bản tính chân thật của vạn pháp rồi buông bỏ mọi chấp thủ thì chân tâm hiển lộ.

Có lẽ không có một giáo phái nào cuối cùng lại phủ định tất cả giáo pháp của mình như Phật giáo. Điển hình là Bát-nhã Tâm kinh. Cũng không có giáo pháp nào mà ở đó, vị trí giáo chủ độc tôn cũng bị phá bỏ như Phật Thích Ca, *“Lạ thay! Tất cả chúng sinh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không chứng ngộ được”*. Tuy vậy, chính chỗ phủ định đó lại là nền tảng thiết lập nên toàn bộ giáo pháp của đức Phật. Phủ định là không dựng lập. Vì sao không dựng lập? Vì tất cả đều là vọng, không thật có. Thấy có dựng lập chẳng qua vì có bệnh mà cho thuốc. Vì chúng sinh bệnh nên mới có thuốc trị bệnh. Nếu không có bệnh, thuốc cũng không lập. Vì thế tuy thấy lập mà thật là không lập. Đã tùy bệnh cho thuốc thì thuốc nào có vị trí của thuốc đó. Không thể so sánh thuốc này hay hơn thuốc kia. Nói thuốc hay là khi thuốc được dùng đúng bệnh. Ngược lại, thuốc trở nên dở là vì sử dụng không đúng duyên. Không phải bản thân thuốc có hay, có dở. Cũng vậy đối với các pháp không có sự hiện hữu cũng không có sự biến mất, tất cả đều từ nhân duyên tương quan mà hình thành. Vì là không nên phủ định để rồi kiến thiết thành những hiện hữu lợi ích thiết thực cho đời sống của nhân loại.

Tác giả: **Huệ Đức**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 3/2025

CHÚ THÍCH:

(1) *Tương Ưng Bộ Kinh, Thích Minh Châu dịch, VNCPHVN, NXB Hồng Đức, 2020, tr.588.*

(2) *Sđd, tr.578.*

(3) *Bát thiên tụng Bát-nhã, Thư viện Hoa sen.*

(4) *Tăng Chi Bộ Kinh, Thích Minh Châu dịch, VNCPHVN, NXB Hồng Đức, 2020, tr.316.*

(5) *Kinh Tạp A-hàm, quyển 1, Thư viện Hoa sen.*

(6) *Thích Chơn Thiện (2004), Những hạt sương, NXB Tôn Giáo, tr.72.*

(7) *Tương Ưng Bộ Kinh, Thích Minh Châu dịch, VNCPHVN, NXB Hồng Đức, 2020, tr.126.*

(8) *Tăng Chi Bộ Kinh, Thích Minh Châu dịch, VNCPHVN, NXB Hồng Đức, 2020, tr.23.*